

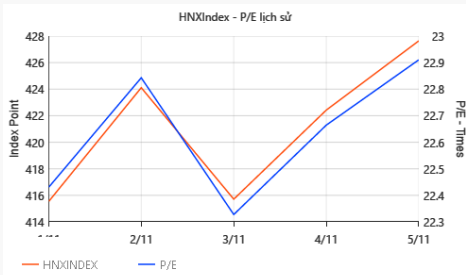


VN-INDEX



Điểm số	1,456.51
Tuần qua (WoW)	0.85%
Từ đầu năm (YTD)	31.95%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	25.78%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	23.58%
P/E	17.13
P/B	2.73

HNX - INDEX



Điểm số	427.64
Tuần qua (WoW)	3.77%
Từ đầu năm (YTD)	110.54%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	21.34%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	32.15%
P/E	22.91
P/B	2.51

Bộ phận Chiến lược đầu tư

GIẢNG CÔ BIÊN ĐỘ HẸP NHƯNG DUY TRÌ XU HƯỚNG TĂNG

Sau khi vượt đỉnh, dòng tiền đầu cơ ngắn hạn đã cho thấy lực tăng tạo đỉnh cao trào tại nhiều mã Bất động sản và việc điều chỉnh mạnh dù là biến động rất lớn nhưng tất yếu. Mặc dù vậy, cũng như việc mua đuổi trong những phiên tăng trần, việc bán hoảng loạn trong những phiên biến động mạnh như thứ tư vừa qua cũng là hành động cần được kiểm soát. Với các lệnh mua có vị thế tốt tại vùng tích lũy của giá, các biến động như trong tuần vừa qua sẽ khó gây ảnh hưởng lớn và thường sẽ có nhịp hồi phục với các doanh nghiệp vẫn có tiềm năng tăng trưởng.

Thị trường vượt đỉnh nhưng dòng tiền vẫn chưa cho thấy việc tập trung trở lại vào nhóm bluechip như Ngân hàng mà vẫn luân phiên tại nhiều nhóm vốn hoá tầm trung như Bất động sản, Bất động sản khu công nghiệp, Chứng khoán, Phân bón. Tuy vậy tại nhóm Ngân hàng cũng xuất hiện đà tăng vượt đỉnh tại nhóm cỡ trung đang với câu chuyện cổ đông chiến lược. Lượng tài khoản mở mới liên tục gia tăng và có tháng thứ 8 liên tiếp vượt 100,000 tài khoản. Tuy vậy, dù dòng tiền mới liên tục gia nhập thị trường nhưng không có nghĩa đây là giai đoạn mà cổ phiếu nào cũng sẽ tăng giống như giai đoạn đáy do covid 2020.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Nắm giữ & Danh mục Giao dịch : không bổ sung trong tuần vừa qua.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Đối với hoạt động đầu tư tích lũy dài hạn với triển vọng hồi phục sau dịch thì các nhịp điều chỉnh hoặc việc cổ phiếu vận động đi ngang tích lũy lại là cơ hội để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu. Đối với hoạt động giao dịch ngắn hạn cần theo sát diễn biến dòng tiền và tập trung vào các nhóm có câu chuyện hỗ trợ. Mặc dù vậy chúng ta cũng thấy giao dịch ngắn hạn đang có rủi ro tăng dần do các nhóm hút tiền gần đây trên thị trường đều đang ở vùng giá cao do đã vượt đỉnh hoặc thường có các nhịp tăng nhanh với biên độ lớn nhiều phiên ngay sau khi có phiên tăng đi cùng với đột biến về thanh khoản.

Nếu thận trọng Nhà đầu tư có thể cân nhắc giảm tỷ trọng cổ phiếu với một số mã tăng nóng khi thị trường về lại vùng cản theo kỹ thuật ở 1,470 – 1,480.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.30%	-	7.9%	171.3%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.30%	19.9%	-	-3.8%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.10%	12.7%	-	18.1%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.40%	-	13.2%	175.5%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.00%	-	2.9%	37.5%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	5.8%	41.2%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.70%	-	41.5%	62.2%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.10%	-	141.7%	171.2%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.50%	-	15.1%	86.1%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.10%	-	53.8%	169.9%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.70%	13.8%	-	126.5%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.10%	-	18.2%	50.2%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.20%	-	26.1%	62.9%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.30%	-	25.6%	111.8%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.80%	3.2%	-	25.7%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.20%	5.9%	-	37.1%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	8.3%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	27.7%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	7.2%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	25.9%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.5%
ABI	17/06/21	45,610 - 49,120	75,000	49,000	1:2.7	35.1%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	91.2%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	208.7%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	40.7%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	-7.7%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	64.8%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	39.3%
SMC*	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	56.1%
BCG*	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	43.2%
DIG*	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	87.2%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	113.1%
CEO	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900	1:3	48.3%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	-6.5%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	36.5%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	29.2%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	-4.1%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	0.1%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	17.5%
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	13.1%

TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	20.4%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	137.5%
CNG*	17/02/21	21,900 – 23,000	31,500	20,600	1:3.5	49.7%
CCL	17/02/21	11,000 – 12,000	19,000	9,700	1:3	51.4%
SAM*	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200	1:5	50.0%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	94.8%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	53.8%
MSR	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	58.1%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	27.5%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	115.3%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	119.8%
DRI*	20/10/20	4,730 – 5,230	10,230	3,930	1:4	205.7%

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Sau khi thiết lập vùng đỉnh lịch sử mới vào đầu tuần trước thì chỉ số chính đã quay lại trạng thái dao động với biên độ hẹp. Trạng thái giao dịch gồm 1 số phiên giao dịch tăng mạnh vượt qua các ngưỡng cản quan trọng và theo sau đó là sự tích lũy trong biên độ hẹp đã được duy trì trong khoảng hơn 1 tháng nay (ví dụ như việc tăng mạnh từ cuối tháng 9 đến hết tuần đầu tháng 10 rồi đi ngang tích lũy tọng biên độ hẹp 2 tuần dưới ngưỡng 1,400, sau đó lại là vài phiên tăng mạnh để vượt hẳn đỉnh cũ trong tuần trước và quay lại tích lũy biên độ hẹp). Điểm đáng chú ý trong tuần vừa qua chính là việc thanh khoản thị trường đột biến tăng rất mạnh. Về giá trị tăng đến 23.6% trên sàn HSX và 32% trên sàn HNX.

Có thể nói việc diễn biến trong biên độ hẹp với thanh khoản tăng cao đang phản ánh sự thiếu đồng thuận trong nhóm trụ, đặc biệt là nhóm dẫn dắt Ngân hàng. Trong giai đoạn vận động trong biên độ hẹp của thị trường thì thực tế dòng tiền đầu cơ đã tạo ra một số đà tăng nóng tại các cổ phiếu Bất động sản, trong phiên thứ tư tuần qua nhóm Bất động sản đã bị chốt lời khá mạnh và sau đó dòng tiền đã chuyển hướng sang nhóm Ngân hàng. Tuy vậy dòng tiền không cho thấy sự tập trung khi luân phiên tìm đến nhóm Chứng khoán trong phiên thứ Năm và nhóm xuất khẩu gồm Phân bón, Dệt may, Thủy sản trong phiên cuối tuần.

Khối ngoại tiếp tục có 1 tuần bán ròng rất mạnh với khoảng 2,000 tỷ bán ra trên 2 sàn, tập trung vào NVL, PAN, SSI và NLG. Nhóm tự doanh các công ty chứng khoán cũng có tuần bán ra gần 1,600 tỷ nhưng không quá tập trung vào 1 vài cổ phiếu, các mã bị bán mạnh nhất là TCB, VPB và KDH.

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Có 2 khả năng cho thị trường trong tuần tới: khả năng cao hơn là việc thị trường tiếp tục lập đỉnh mới nhưng biên độ tăng sẽ không mạnh do dòng tiền đang phân hoá và không quá tập trung vào nhóm Ngân hàng. Thị trường có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh khi nhóm vốn hoá lớn (VN30) về lại vùng đỉnh cũ (còn cách khoảng 30 điểm). Khả năng thứ 2 là sau khi luân phiên sang một số nhóm ngành thì dòng tiền trở nên thận trọng, VN-Index có thể quay lại kiểm tra ngưỡng hỗ trợ là vùng đỉnh cũ khoảng 1,420.

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Mỹ dừng mua trái phiếu nhưng chưa vội tăng lãi suất. Bắt đầu tháng 11, FED sẽ giảm mức mua trái phiếu đi 15 tỷ đô, trong đó 10 tỷ là mua Trái phiếu kho bạc còn 5 tỷ là mua trái phiếu thế chấp. Hiện tại NHTW này đang mua vào 120 tỷ đô hằng tháng. FED cũng thừa nhận lạm phát đang tăng nhanh và kéo dài hơn dự báo của tổ chức này trước đó. Do vậy FED cũng đã điều chỉnh nhận định khi cho rằng lạm phát sẽ tiếp tục gia tăng trước khi bắt đầu điều chỉnh vào giữa năm 2022.

NHTW Anh giữ nguyên lãi suất điều hành tại 0.1%, đi ngược lại kỳ vọng của thị trường về việc là NHTW đầu tiên thực hiện tăng lãi suất.

Lạm phát kèm suy thoái hay lạm phát đình trệ (stagflation) đang cho thấy dấu hiệu xảy ra tại Trung Quốc khi giá cả tiếp tục tăng trong khi số liệu sản xuất mới nhất lại cho thấy sự chậm lại. Cũng tại Trung Quốc, các DN phát triển Bất động sản cũng đang chịu áp lực dòng tiền lớn với chính sách thắt chặt đòn bẩy của chính phủ. Ở thời điểm hiện tại, giới đầu tư đang theo dõi sát tình hình trả các khoản đến hạn của nhóm DN Bất động sản.

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

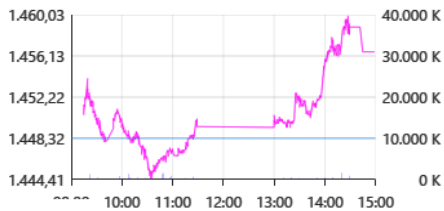
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

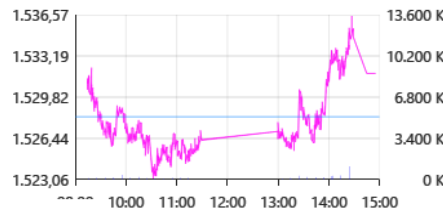
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,456.51	0.56%	8.17	874.07	26,140.7	303	48	148
Vn30 - Index	1,531.76	0.23%	3.55	161.18	8,024.0	17	2	11
Vn - Mid	1,913.00	1.18%	22.25	277.42	9,188.2	53	4	13
VN - Small	1,951.59	1.11%	21.51	238.95	4,807.6	120	18	52
HNX - Index	427.64	1.24%	5.22	147.16	3,499.3	132	60	100
Upcom - Index	108.20	0.76%	0.82	178.31	2,746.1	319	81	140

BIẾN ĐỘNG TRONG PHIÊN

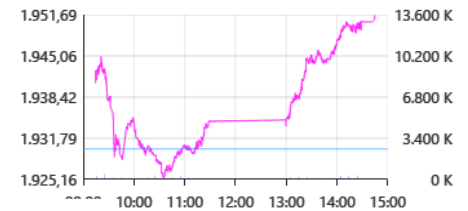
VN-INDEX



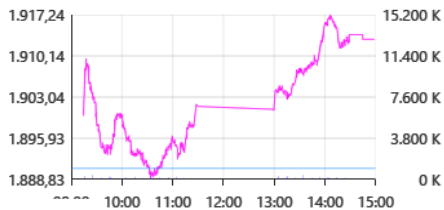
VN30



VN-MID



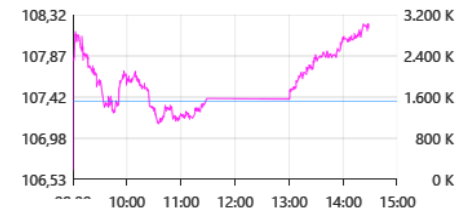
VN-SMALL



HNX-INDEX



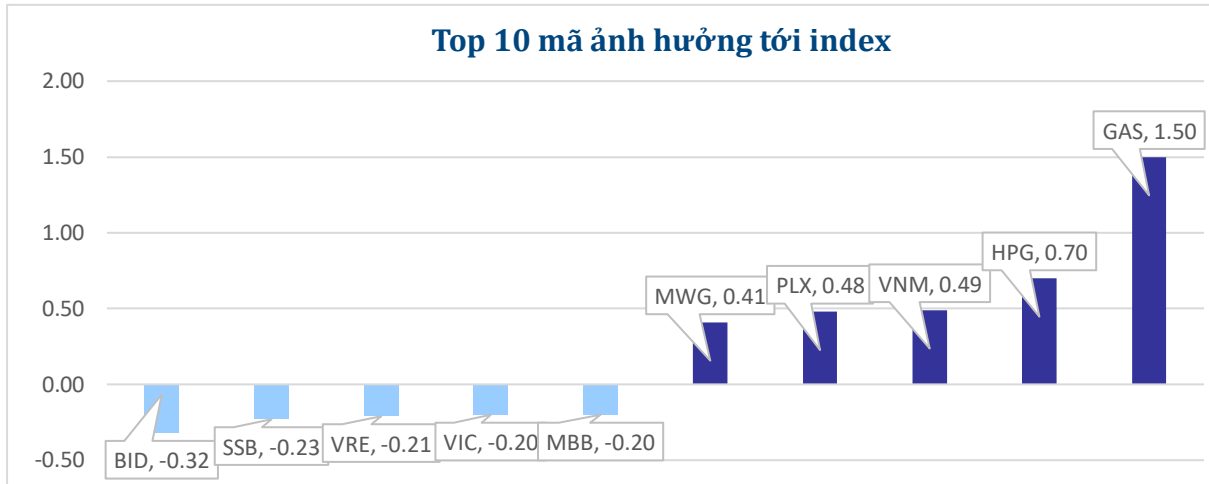
UPCOM



THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

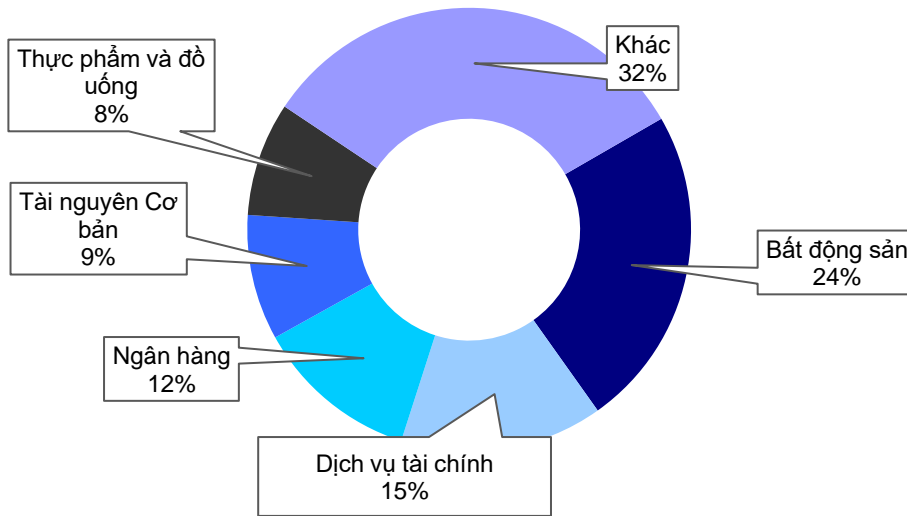
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	27,872.55	-35.49%	929.53	-38.24%
HNX	3,843.71	8.39%	141.09	-3.99%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN



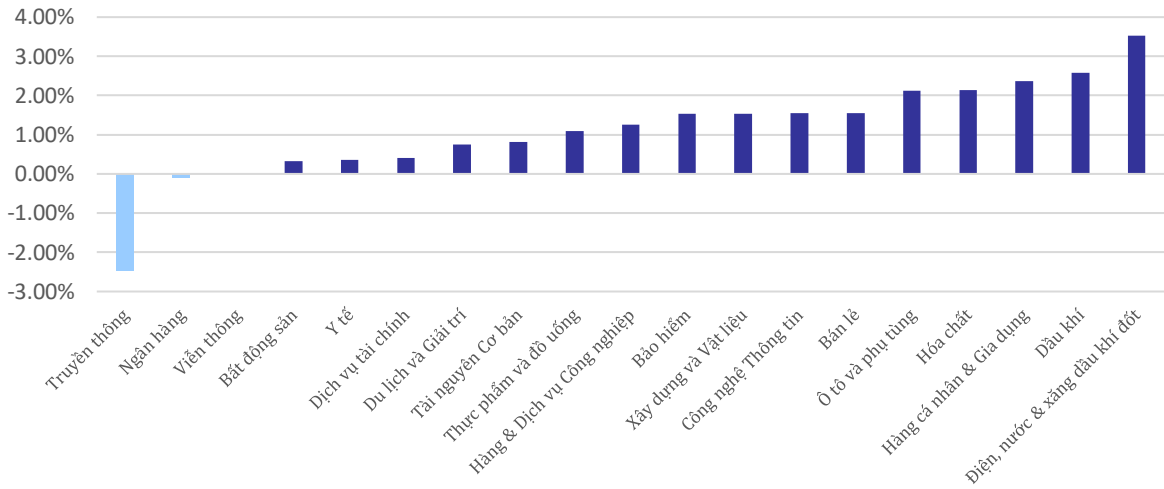
NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày





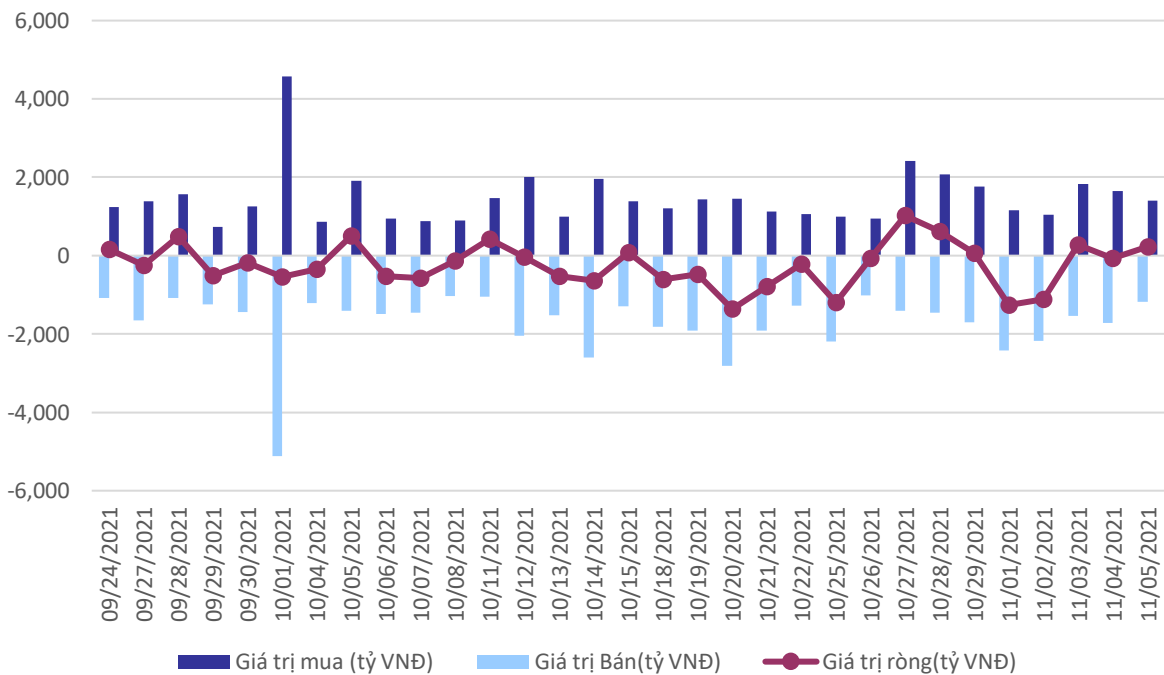
Biến động các nhóm ngành trong ngày



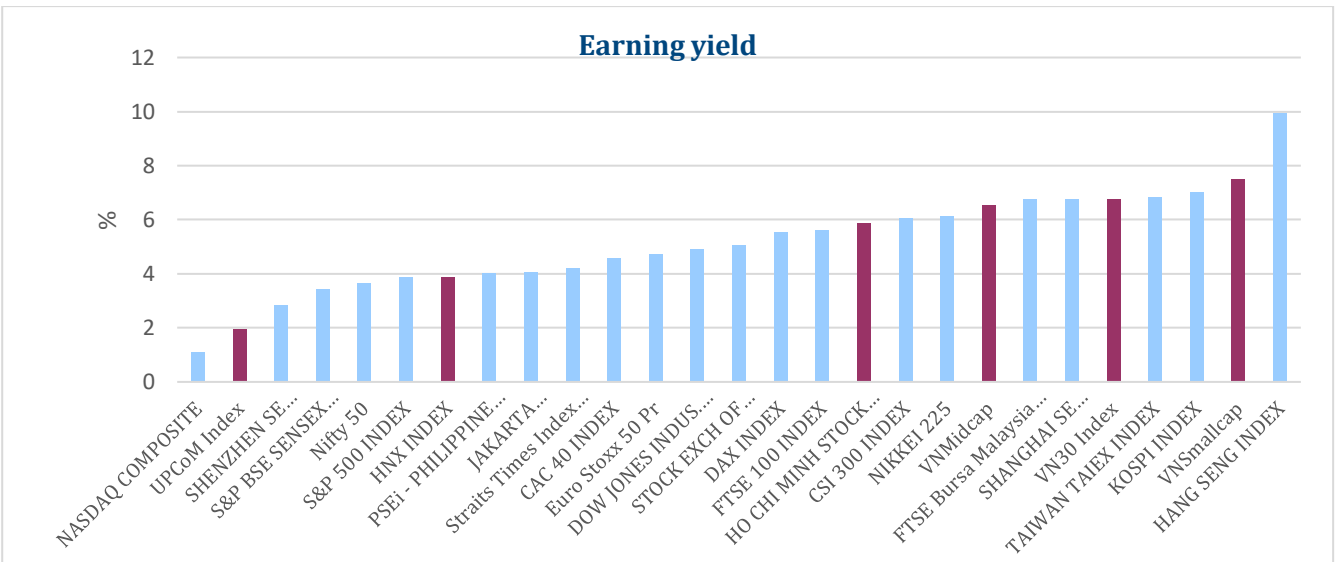
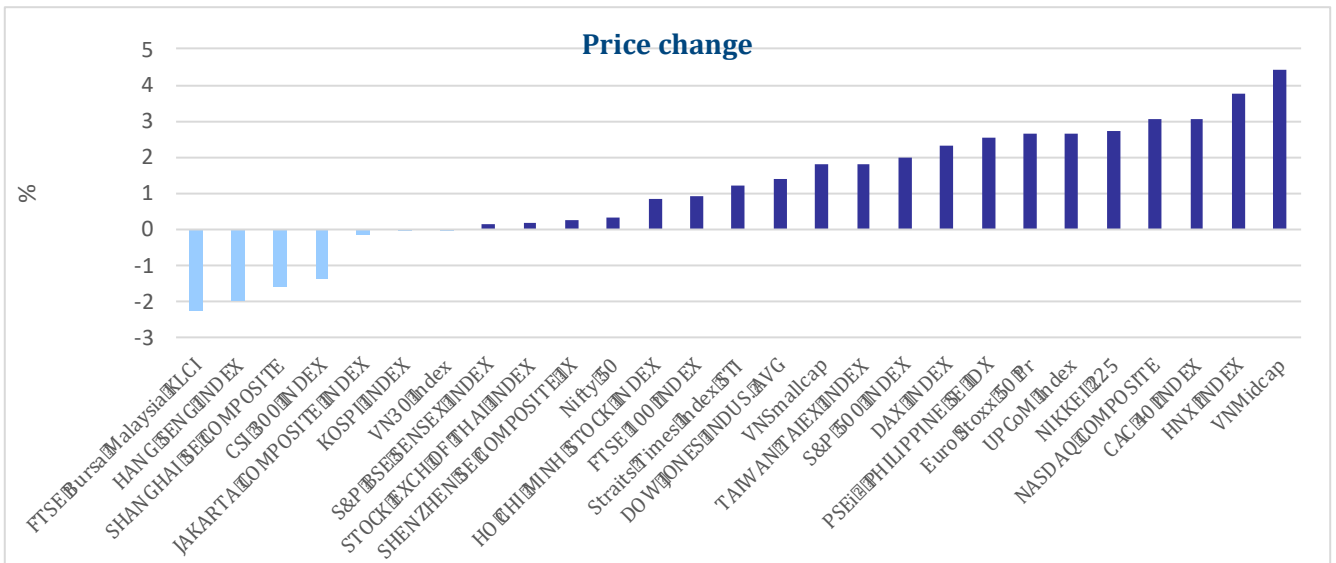
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HPG	122.48	VIC	60.81
GAS	40.43	VHM	55.64
CTG	37.08	SSI	38.93
DXG	34.96	TPB	33.85
VCI	30.02	DGC	29.20

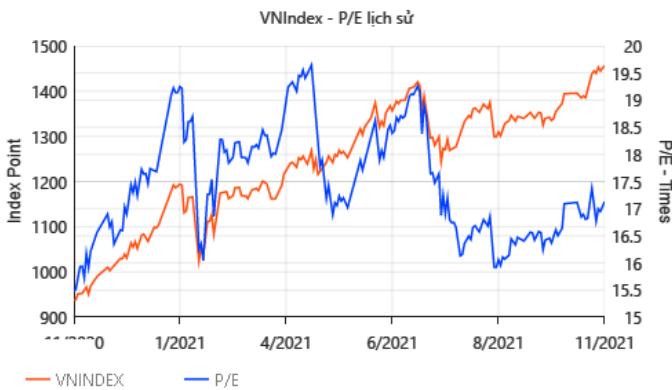
Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE



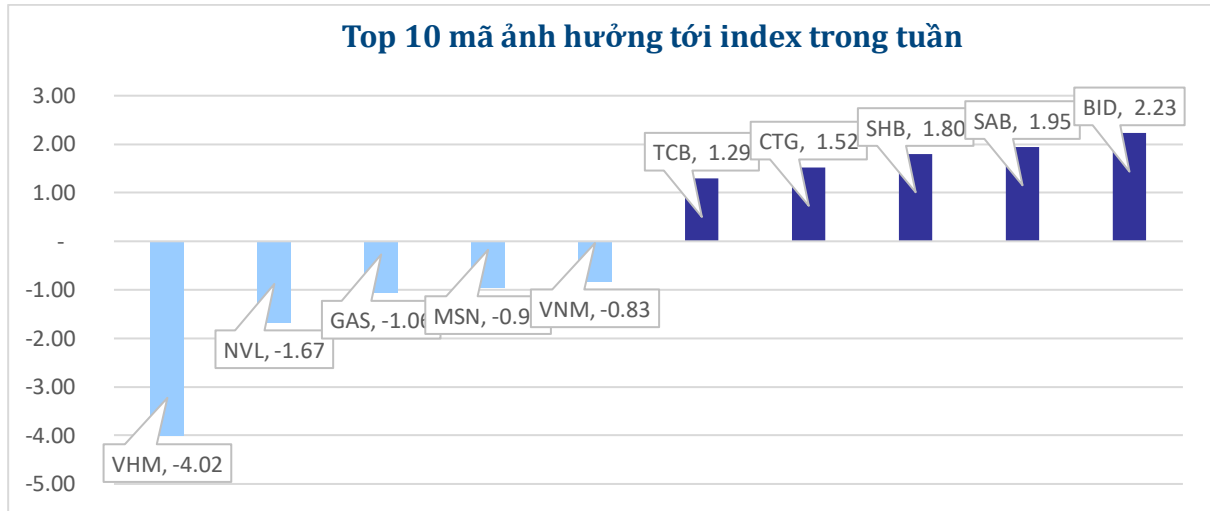
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

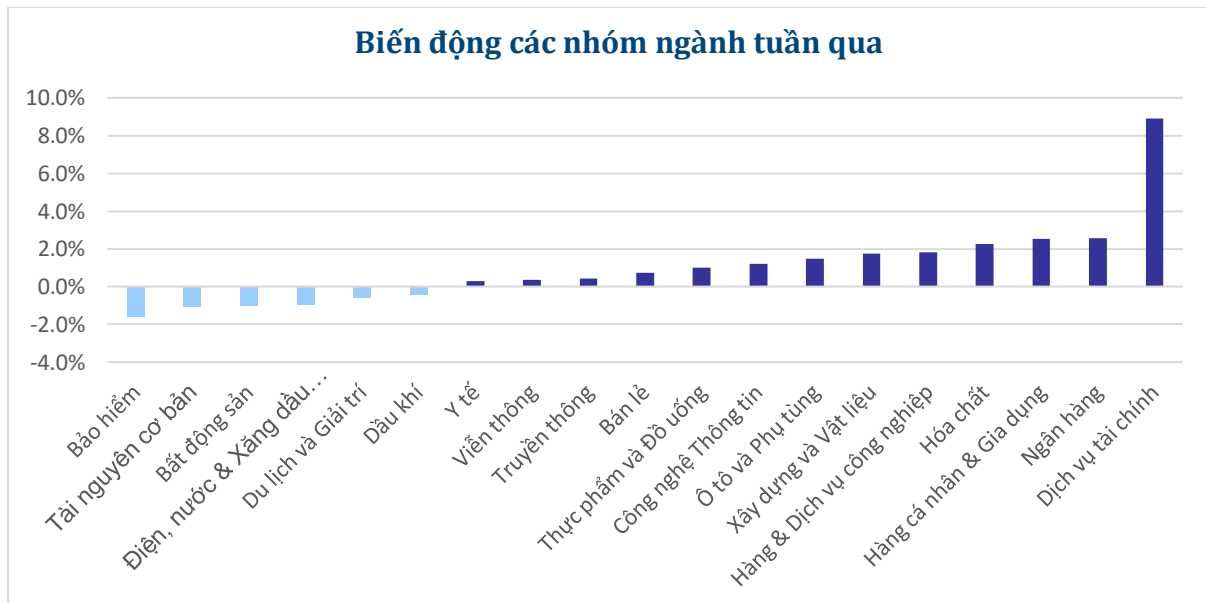


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA

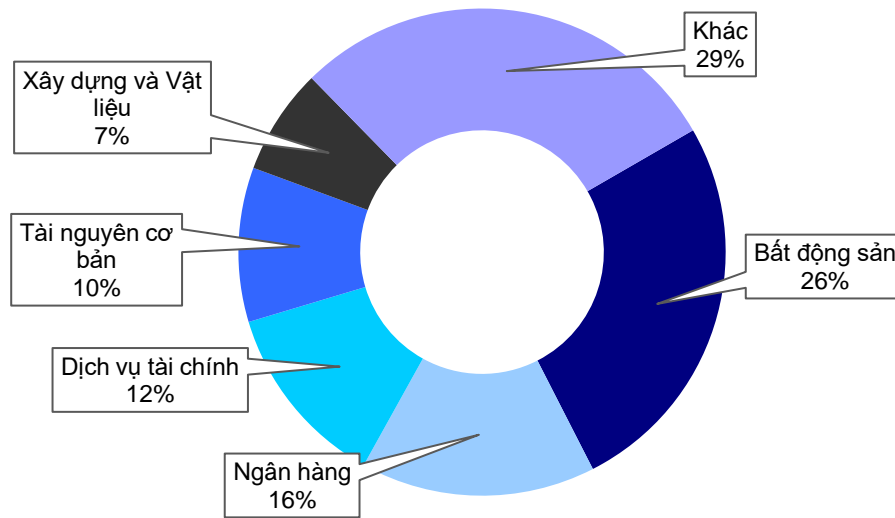


Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HQC	32.9	HPG	1,514.5	KHP	3.89x	NRC	47.3%	LMH	-15.0%
SHB	29.1	TCB	1,188.1	NBB	3.77x	KHP	38.8%	HLD	-11.3%
HPG	27.0	SHB	860.5	SGR	3.71x	IDI	36.8%	ITC	-10.8%
HAG	24.2	SSI	845.8	HBS	3.68x	CSC	34.7%	VNA	-10.2%
FLC	23.3	VHM	724.8	HAG	3.63x	API	34.6%	TEG	-9.2%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN



Đóng góp thanh khoản trong tuần

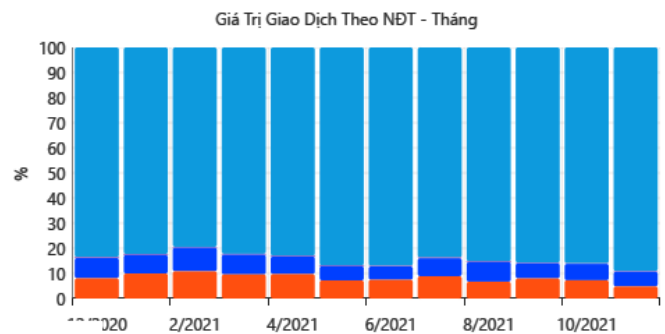
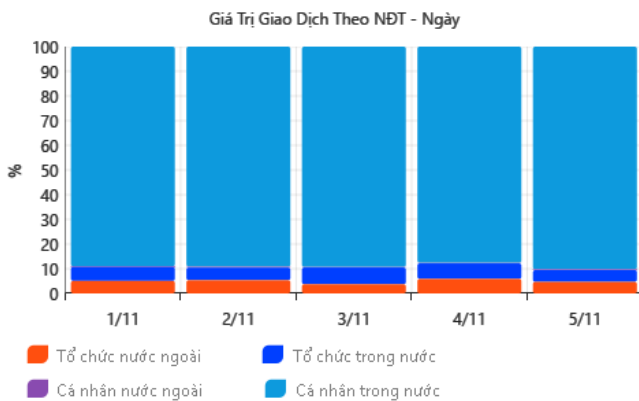


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

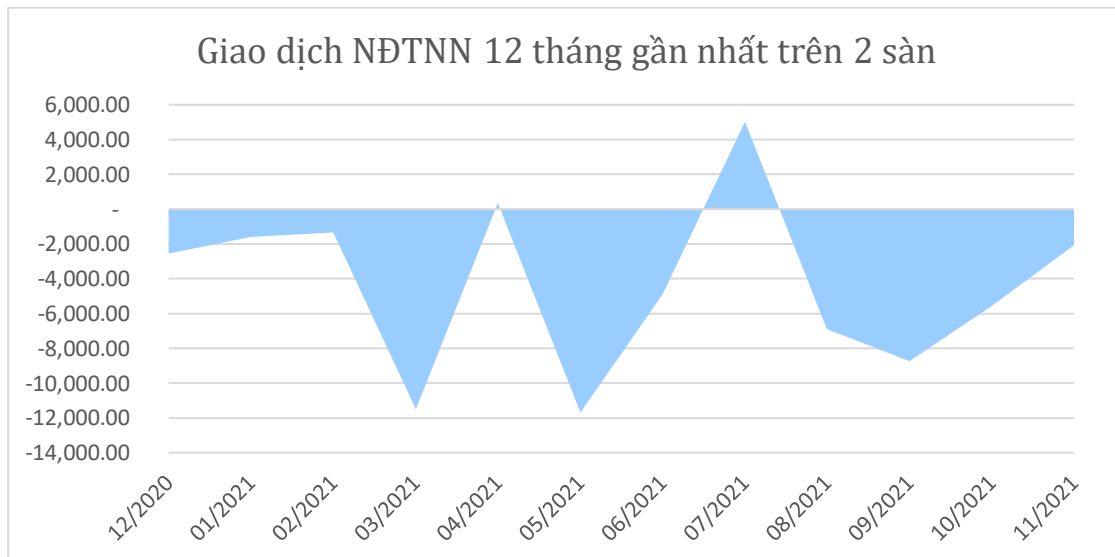
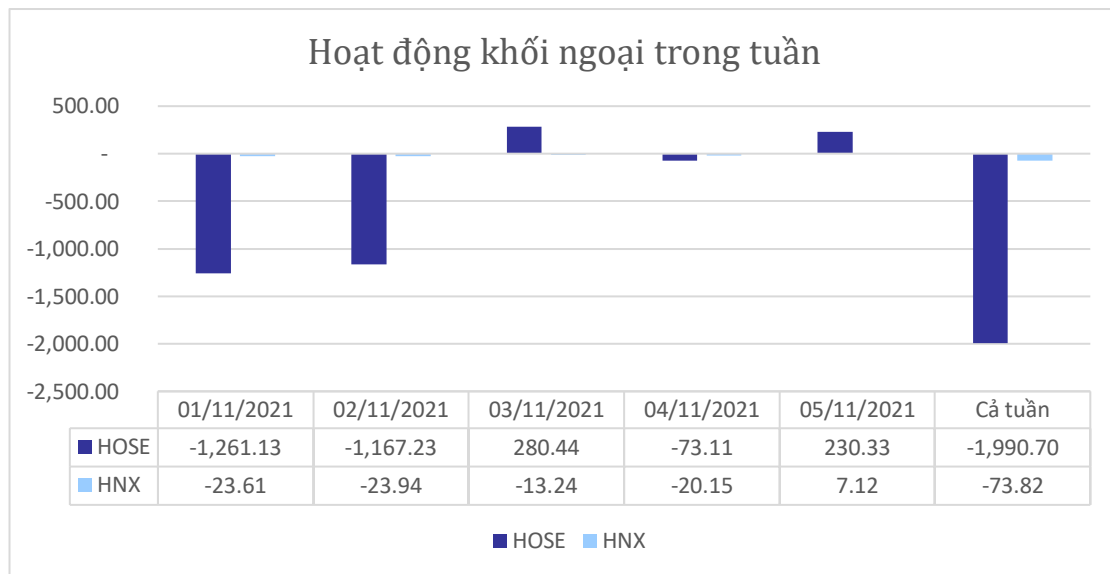
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-0.88%	13,223.71	HPG	-0.88%	2,343.35
TCB	2.71%	11,002.36	VHM	-4.09%	1,488.04
SHB	12.70%	8,849.77	VNM	-1.65%	1,243.43
SSI	5.93%	7,687.84	NVL	-3.93%	1,210.63
DIG	9.23%	6,521.66	SSI	5.93%	1,168.07

Tỷ trọng giao dịch



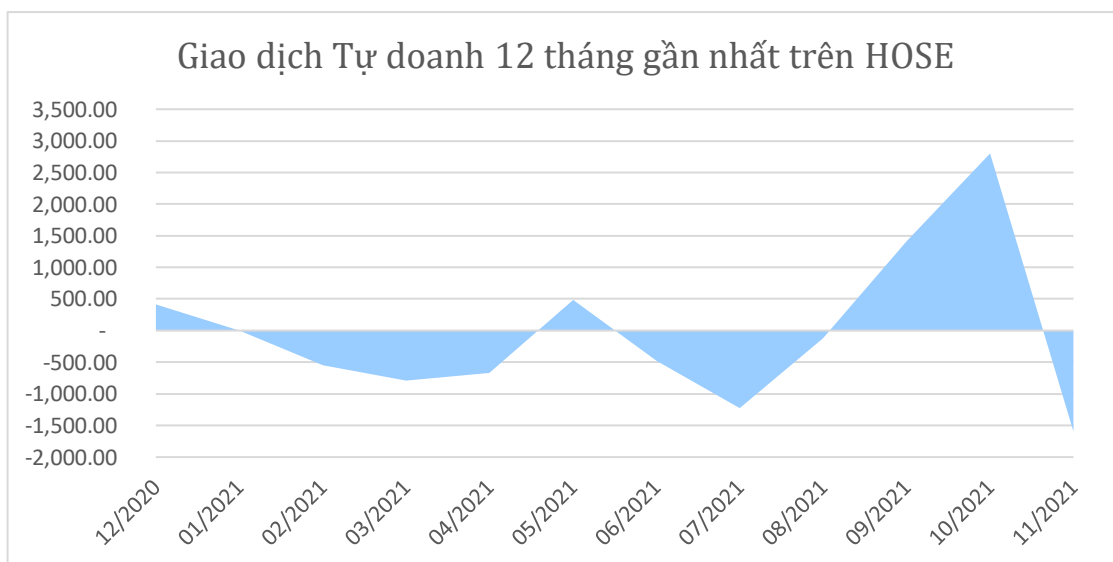
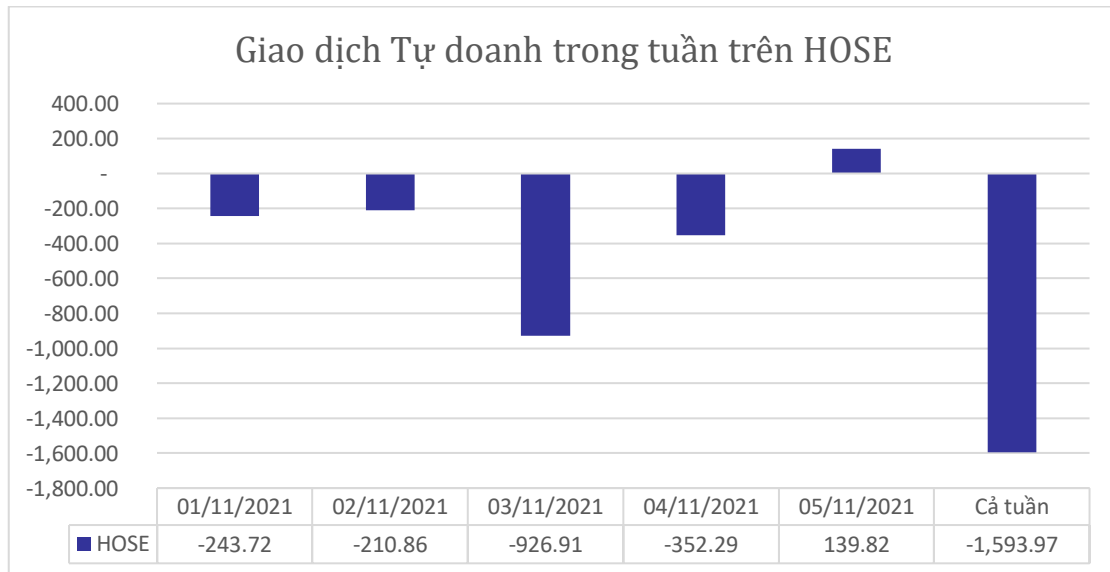
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
CTG	3.81%	179.50	NVL	-3.93%	583.93
STB	3.95%	128.04	PAN	5.56%	527.42
VCB	-0.51%	120.74	SSI	5.93%	463.93
HPG	-0.88%	115.73	NLG	1.21%	315.59
KDC	3.11%	87.49	VNM	-1.65%	275.15



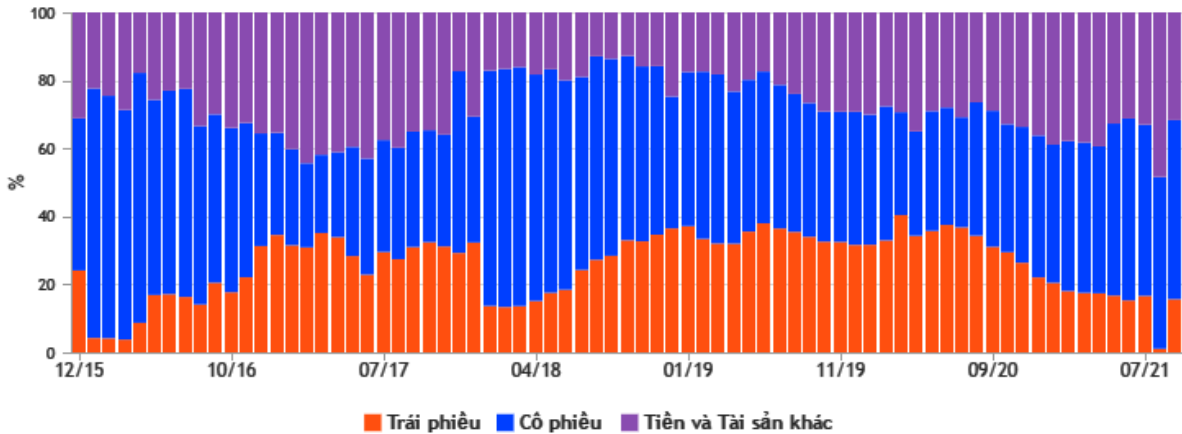
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CỦA CÁC CTCK TRÊN HOSE

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VGC	3.87%	145.86	TCB	2.71%	173.85
TDP	-1.09%	50.00	VPB	-0.26%	169.65
MWG	0.46%	42.64	KDH	-5.49%	162.62
EIB	12.44%	38.33	PNJ	3.85%	113.37
FLC	3.72%	25.25	HPG	-0.88%	85.28

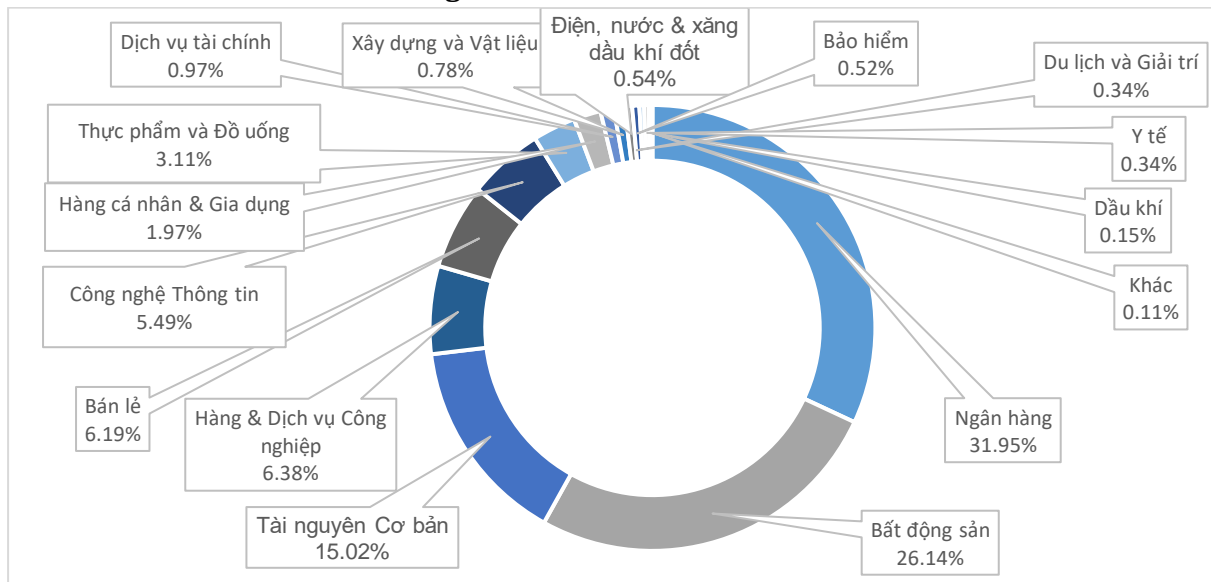


TỔ CHỨC (40 quỹ do finrpo flatform theo dõi)

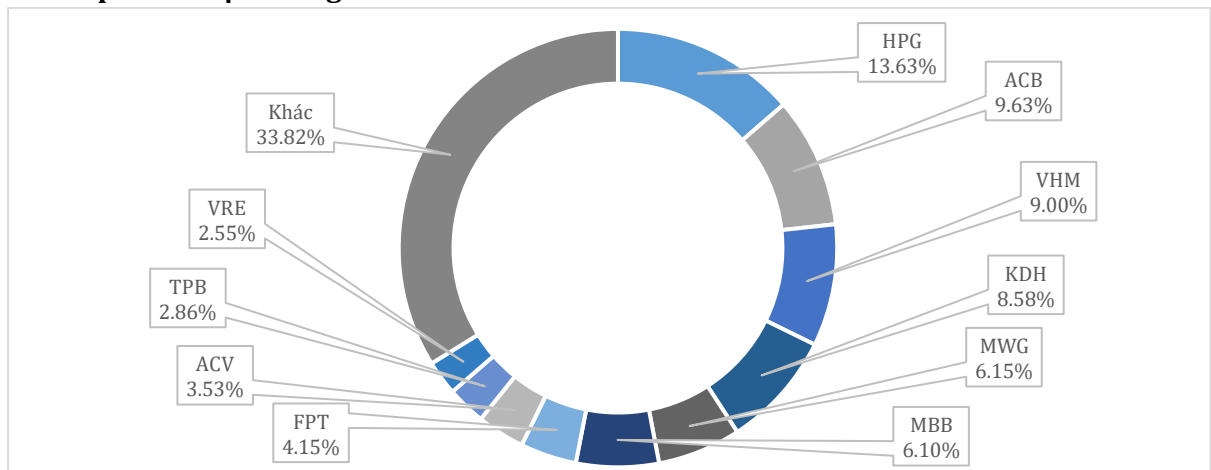
Phân bố tài sản



Phân bố các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
OCB	HSX	Giao dịch 273.976.520 cp niêm yết bổ sung		28/10/21	08/11/21
HTC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300 đ/cp)	08/11/21	09/11/21	26/11/21
YBM	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, trả cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 3:1)	08/11/21	09/11/21	08/11/21
VCP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	08/11/21	09/11/21	08/11/21
BVH	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (898.5 đ/cp)	08/11/21	09/11/21	30/11/21
VPB	HSX	Niêm yết bổ sung 1.975.725.021 cp		08/11/21	08/11/21
C4G	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường	08/11/21	09/11/21	08/11/21
CAM	Upcom	Giao dịch 1.296.300 cổ phiếu niêm yết bổ sung	08/11/21	08/11/21	08/11/21
TS4	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	08/11/21	09/11/21	08/11/21
TRC	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 (900 đ/cp)	08/11/21	09/11/21	26/11/21
TCD	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	08/11/21	09/11/21	08/11/21
VSC	HSX	Thực hiện quyền mua cổ phiếu (tỷ lệ 1:1)	08/11/21	09/11/21	08/11/21
IDC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.400 đ/cp)	09/11/21	10/11/21	25/11/21
VIE	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021	09/11/21	10/11/21	09/11/21
SKV	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	09/11/21	10/11/21	09/11/21
VNY	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	09/11/21	10/11/21	09/11/21
TDT	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:15), bán ưu đãi (tỷ lệ 3:1)	09/11/21	10/11/21	09/11/21
PTD	HNX	trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	09/11/21	10/11/21	18/11/21
ADP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)	09/11/21	10/11/21	03/12/21
NVL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	09/11/21	10/11/21	09/11/21
PPY	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	09/11/21	10/11/21	09/11/21
HPI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	10/11/21	11/11/21	10/11/21
NNB	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	10/11/21	10/11/21	10/11/21
HII	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			10/11/21
PJT	HSX	Giao dịch 7.680.239 cp niêm yết bổ sung			10/11/21
APH	HSX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	10/11/21	11/11/21	10/11/21
GEG	HSX	Giao dịch 32.540.338 cp niêm yết bổ sung			10/11/21
CCR	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	10/11/21	10/11/21	10/11/21
NAV	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	10/11/21	11/11/21	06/12/21
VGP	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	10/11/21	11/11/21	10/11/21
VNF	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20:1)	10/11/21	11/11/21	10/11/21
CRE	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021	10/11/21	11/11/21	10/11/21
L12	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	11/11/21	12/11/21	30/11/21
DXG	HSX	Giao dịch 77.738.381 cp niêm yết bổ sung			11/11/21
VPI	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 10:1)	11/11/21	12/11/21	11/11/21
SDC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	11/11/21	12/11/21	25/11/21
PVT	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.000 đ/cp)	11/11/21	12/11/21	06/12/21
SHB	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 100:10.5), thực hiện quyền mua cp (tỷ lệ 100:28)	11/11/21	12/11/21	11/11/21
DGC	HSX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	11/11/21	12/11/21	11/11/21
TEG	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021	11/11/21	12/11/21	11/11/21

CAP	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	11/11/21	12/11/21	11/11/21
TMT	HSX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	11/11/21	12/11/21	14/12/21
TIX	HSX	Lấy ý kiến CĐ, tổ chức ĐHĐCĐ và tạm ứng cổ tức đợt 2/2021 (1.250 đ/cp)	12/11/21	15/11/21	27/12/21
MML	Upcom	Giao dịch đầu tiên 19.999.800 trái phiếu niêm yết			12/11/21
QNC	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/11/21	15/11/21	12/11/21
TSD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	12/11/21	15/11/21	12/11/21
KHA	Upcom	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	12/11/21	15/11/21	12/11/21
VGS	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/11/21	15/11/21	12/11/21
KHP	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (250 đ/cp)	12/11/21	15/11/21	01/12/21
DZM	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/11/21	15/11/21	12/11/21
NBB	HSX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	12/11/21	15/11/21	12/11/21
SKH	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/11/21	15/11/21	12/11/21
SMC	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (500 đ/cp)	12/11/21	15/11/21	26/11/21
PGN	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 11%)	12/11/21	15/11/21	12/11/21
TCH	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/11/21	15/11/21	12/11/21
TVB	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			12/11/21
PLP	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			13/11/21



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng \geq 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696